





Week: 3

Peroid: 5,6

## Unit 1: A visit from a pen pal

### Lesson: Language focus

#### I. Simple Past ( Quá khứ đơn )

Công thức	Dấu hiệu nhận biết	Ví dụ
<p> <b>To be</b></p> <p>(+) S + was/ were</p> <p>(-) S + was/ were + not</p> <p>(?) Was/ Were + S?</p> <p><b>Note:</b> I, He, She, It, Danh từ số ít + was</p> <p>You, We, They, Danh từ số nhiều + were</p> <p> <b>Ordinary Verb</b></p> <p>(+) S + V2/ V-ed</p> <p>(-) S + didn't + Vbare</p> <p>(?) Did+ S + Vbare ?</p>	<p>yesterday, last, ago, in 2007, when I was young.</p>	<p> <b>To be</b></p> <p>(+) He was sick yesterday.</p> <p>(-) He wasn't sick yesterday.</p> <p>(?) Was he sick yesterday?</p> <p> <b>Ordinary Verb</b></p> <p>(+) Mai went to the zoo last Sunday.</p> <p>(-) Mai didn't go to the zoo last Sunday.</p> <p>(?) Did Mai go to the zoo last Sunday?</p> <p>(+) Mr. Robinson returned Ha Noi yesterday.</p> <p>(-)Mr. Robinson did not return Ha Noi yesterday.</p> <p>(?) Did Mr. Robinson return Ha Noi yesterday?</p>

#### II. Wish- Clause ( Câu ao ước )

Viết lại câu với "Wish"

B1: Bỏ "What a pity/ It's a pity/ ... sorry that/ ..."

B2: Biến đổi câu trái nghĩa với câu đã cho hoặc biến đổi từ câu khẳng định sang phủ định và ngược lại.

Notes: Nhớ bỏ "don't/ doesn't/ never" và biến đổi động từ sau nó thành "V<sub>2</sub>/ Ved"

Nhớ đổi “can’t” thành “could”; “won’t” thành “would”

B3: Áp dụng công thức: S + wish + S + were/ V<sub>2</sub>/ V<sub>ed</sub> /didn’t V / could / would / had to ...

### 1/. WISH :

1. Lan cannot meet her friends  
→ She wishes \_\_\_\_\_
2. They don't know how to speak Chinese.  
→ They wish \_\_\_\_\_
3. Their team don't play very well.  
→ They wish \_\_\_\_\_
4. Her sister doesn't have a mobile phone.  
→ She wishes \_\_\_\_\_
5. The students never go abroad to visit their penpal.  
→ They wish \_\_\_\_\_

### **III. USED TO:**

**\*USED TO +V<sub>1</sub> : Bỏ not any . . . more, not . . any longer, no longer, usually, often, always**

**Note:** Về “ **when ...**” → giữ nguyên và ghi lại, **không biến đổi động từ** trong về “when ...”

1. He often went hunting when he was in Africa.  
→ He used to
2. Mary stopped smoking a few months ago.  
→ Mary used to
3. She often smoked but now she doesn’t any more.  
→ She used

## PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

**1. Hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Mục I:	1. 2. 3.
Mục II:	

### **2. Một số lưu ý**

Gửi các thắc mắc và các bài tập không giải được cho thầy cô qua nhiều kênh, và nhận phản hồi.

Thầy Phước: 0985366733. Thầy Chuẩn: 0376791259. Cô Đào: 0978906973

Cô Đào: 0978906973. Cô Duyên: 0988658549. Cô Quyên: 0976014868